

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2018/DS-ST

Ngày: 31-7-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Duy

2/ Ông Lê Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lữ Văn Thới - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Dương Thị T**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp T T, xã T H, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Phan Thị Thu H**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp T T, xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Phan Văn B**, sinh năm: 1943

2/ **Phan Văn T**, sinh năm: 1972

3/ **Phan Văn Thu E**, sinh năm: 1980

4/ **Phan Tuấn K**, sinh năm: 1985

Cùng địa chỉ: ấp T T, xã T H, huyện C T, Tiền Giang.

5/ **Võ Trí H**, sinh năm: 1968

HKTT: Số 66 M X T, p 1, Q 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: ấp T T, xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

6/ **Phan Võ Trí C**, sinh năm: 2008

Địa chỉ: ấp T T, xã T L T, huyện C T, Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật của Phan Võ Trí C:

- Ông Võ Trí H, sinh năm: 1968

HKTT: Số 66 Mai Xuân Thưởng, phường 1, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: ấp T T, xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Phan Thị Thu H, sinh năm: 1970

(Chị T, chị H và anh H có mặt; anh K có đơn xin vắng mặt; ông B, anh T, anh E vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Ngày 14/10/2015 chị T có cho chị Phan Thị Thu H vay số tiền 150.000.000đồng, thời hạn vay là 02 năm, khi vay tiền hai bên có lập hợp đồng công chứng tại Văn phòng Công chứng A B. Thỏa thuận miệng lãi suất là 4%/tháng. Chị H có đưa cho chị T giữ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 1966/CN.UB ngày 06/10/2005 do UBND xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Phan Thị Thu H đối với căn nhà số 1018/3 ấp T T, xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang và một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00218 do UBND huyện C T, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ chị Phan Thị Thu H vào ngày 27/9/2005 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 01, diện tích 143m² để làm tin. Sau khi vay tiền chị H có đóng được cho chị T 03 tháng tiền lãi thì ngưng đến nay. Đến hạn trả vốn chị H cũng không trả theo thỏa thuận. Nay chị T yêu cầu chị H trả cho chị T số tiền 150.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng từ ngày 14/02/2016 đến khi xét xử, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Khi chị H trả đủ tiền cho chị T thì chị T đồng ý trả lại giấy

chứng nhận quyền sở hữu nhà và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2018 bị đơn chị Phan Thị Thu H trình bày: Chị H thống nhất theo toàn bộ lời trình bày của chị T và chị H thừa nhận có vay và còn nợ lại chị T số tiền là 150.000.000đồng. Khi vay tiền chị H có đưa cho chị T giữ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 1966/CN.UB ngày 06/10/2005 do UBND xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang cấp cho chị H đối với căn nhà số 1018/3 ấp T T, xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang và một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00218 do UBND huyện C T, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ chị H vào ngày 27/9/2005 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 01, diện tích 143m² để làm tin. Thời điểm cấp giấy đất thì hộ của chị H gồm có chị H, bà Nguyễn Thị Hạng, anh Phan Văn Thu E, trong đó bà Hạng đã khai tử vào năm 2014 và hàng thừa kế của bà Hạng gồm có: ông Phan Văn B, Phan Thị Thu H, Phan Văn T, Phan Văn Thu E và Phan Tuấn K. Hiện tại trên căn nhà số 1018/3 có chị, anh Võ Trí H và Phan Võ Trí C cùng sinh sống. Khi vay tiền chị H có đóng cho chị T được 03 tháng tiền lãi thì ngưng. Nay chị H đồng ý trả cho chị T số tiền vốn là 150.000.000đồng và tiền lãi theo yêu cầu của chị T nhưng xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Văn B, Phan Văn T, Phan Văn Thu E vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/5/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Tuấn K trình bày: Anh K là em ruột của chị Phan Thị Thu H và anh K thống nhất theo lời khai của chị H về hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Hạng, sinh năm 1950, mất năm 2014 là mẹ ruột của anh, gồm có: Phan Văn B, Phan Văn T, Phan Văn Thu E, Phan Thị Thu H và Phan Tuấn K. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh K không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Trí H trình bày: Anh là chồng của chị Phan Thị Thu H. Hiện tại anh cùng chị H và con chung tên Phan Võ Trí C đang sống trên căn nhà số 1018/3 ấp T T, xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang. Anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu chị H trả số tiền vốn vay là 150.000.000đồng, chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất cụ thể chị T yêu cầu tính lãi của số tiền 150.000.000đồng theo mức lãi suất 1,125%/tháng cần trừ vào 03 tháng tiền lãi chị H đã đóng, lãi suất tính từ ngày 14/10/2015 cho đến khi xét xử, yêu cầu trả vốn và lãi một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn chị H đồng ý trả số tiền vốn vay là 150.000.000đồng và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Trí H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Văn B, Phan Văn T, Phan Văn Thu E được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông B, anh T và anh E.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay chưa thanh toán, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp là hợp đồng vay tài sản.

[3] – Về nội dung yêu cầu: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị T và bị đơn chị Phan Thị Thu H trình bày thống nhất là vào ngày 14/10/2015 chị T có cho chị H vay số tiền 150.000.000đồng, thời hạn vay là 02 năm, khi vay tiền hai bên có lập hợp đồng công chứng tại Văn

phòng Công chứng A B. Thỏa thuận miệng lãi suất là 4%/tháng. Chị H có đưa cho chị T giữ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 1966/CN.UB ngày 06/10/2005 do UBND xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang cấp cho chị H đối với căn nhà số 1018/3 ấp T T, xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang và một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00218 do UBND huyện C T, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ chị H vào ngày 27/9/2005 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 01, diện tích 143m² để làm tin. Xét lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị H còn nợ chị T số tiền là 150.000.000đồng. Chị T đã nhiều lần yêu cầu chị H thanh toán nợ nhưng chị H kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất:

Chị T yêu cầu chị H trả tiền lãi theo mức lãi suất là 1,125%/tháng của số tiền 150.000.000đồng căn trừ vào 03 tháng tiền lãi chị H đã đóng, lãi suất tính từ ngày 14/10/2015 đến khi xét xử làm tròn là 32 tháng. Xét thấy tại phiên tòa chị T và chị H trình bày thống nhất sau khi vay tiền chị H có trả cho chị T được 03 tháng tiền lãi là 18.000.000đồng và tháng thứ tư chị H có trả được 2.000.000đồng, tổng cộng là 20.000.000đồng. Tại phiên tòa chị T tự nguyện căn trừ số tiền lãi 20.000.000đồng đã nhận vào phần tiền lãi chị yêu cầu Tòa án xem xét, cụ thể số tiền lãi chị T yêu cầu là: $(150.000.000\text{đồng} \times 1,125\% \times 32\text{ tháng}) - 20.000.000\text{đồng} = 34.000.000\text{đồng}$.

[4] Xét yêu cầu xin trả dần của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, đồng thời không được nguyên đơn đồng ý, vì vậy yêu cầu của bị đơn không được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử cần buộc chị H có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vốn là 150.000.000đồng và lãi là 34.000.000đồng, tổng cộng

là 184.000.000đồng trong thời gian nhất định là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị T đồng ý trả lại cho chị H giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 1966/CN.UB ngày 06/10/2005 do UBND xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang cấp cho chị H đối với căn nhà số 1018/3 ấp T T, xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00218 do UBND huyện C T, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ chị H vào ngày 27/9/2005 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 01, diện tích 143m². Xét sự tự nguyện này là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chị Phan Thị Thu H có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Cụ thể: 184.000.000đồng x 5% = 9.200.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T.

1/ Buộc chị Phan Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị T số tiền 184.000.000đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng), thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất

phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận chị T trả lại cho chị H giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 1966/CN.UB do UBND xã T L T, huyện C T, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/10/2005 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00218 do UBND huyện C T, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/9/2005 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Thu H phải chịu 9.200.000đồng.

Hoàn lại cho chị Dương Thị T số tiền là 4.593.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 26659 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh